

Số: 04/QĐ-TTPY

Hải Phòng, ngày 01 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023
của Trung tâm Pháp y Hải Phòng**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHÁP Y HẢI PHÒNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 1434/QĐ- UBND ngày 01/9/2008 của UBND thành phố Hải Phòng về việc thành lập Trung tâm Pháp y Hải Phòng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp Trung tâm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách năm 2023 của Trung tâm Pháp y Hải Phòng (theo biểu đính kèm).

Hình thức công khai: Công bố tại hội nghị CBCNV - người lao động, niêm yết tại trụ sở làm việc và trên Cổng thông tin điện tử của Trung tâm Pháp y Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Trưởng các khoa, phòng thuộc Trung tâm và các cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- BGĐ;
- Như Điều 3;
- Công TTĐT SYT;
- Lưu: KHTH.

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Xuyên

Đơn vị: Trung tâm Pháp y Hải Phòng

Mã quan hệ ngân sách: 1094325

Chương: 423



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-TTPY ngày 01 / 4 /2024 của

Giám đốc Trung tâm Pháp y Hải Phòng)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
A	Quyết toán thu:		
	Số tiền thu dịch vụ giám định pháp y	2.079.353.728	2.079.353.728
	Số thuế thu nhập doanh nghiệp	41.609.236	41.609.236
	Số tiền dịch vụ để lại chi hoạt động	2.037.744.492	2.037.744.492
B	Quyết toán chi:		
1.	Chi thường xuyên	4.549.950.788	4.549.950.788
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.063.926.788	4.063.926.788
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	486.024.000	486.024.000